TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ CỪ** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 73/2019/QĐST-HNGĐ	*Phù Cừ, ngày 24 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 47/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;

Bị đơn: Anh Vũ Mạnh T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ vào các Điều 212; 213 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 16 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16/7/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Vũ Mạnh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Vũ Mạnh T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao con chung là các cháu Vũ Thanh T1, sinh ngày 03/01/2015 và cháu Vũ Mạnh S, sinh ngày 25/10/2016 cho anh T tiếp tục nuôi

dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng đối với cháu S, mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tính từ tháng 7/2019 cho đến khi cháu Sang đủ 18 tuổi. Chị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, nếu chị N không thi hành theo thoả thuận thì phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 478 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ vào số tiền chị N đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 005786 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ. Chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phù Cừ;
- Chi cục THADS huyện Phù Cừ;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã T
(Số ĐKKH 11 ngày 21/02/2014);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(đã ký)
Nguyễn Duy Phượng